

Số: 23 /2015 /NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 10 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA II - KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Xét Báo cáo số 516/BC-UBND, ngày 25/11/2015 của UBND tỉnh, về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016; Báo cáo thẩm tra số 69/BC-HĐND, ngày 04/12/2015 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 (có kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho HĐND tỉnh.

Giao Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

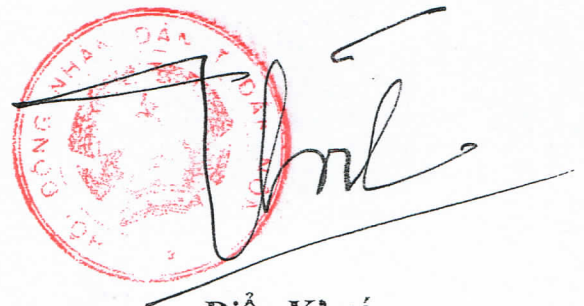
Nghị quyết có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày HĐND tỉnh thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khóa II, kỳ họp thứ 12 thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- UB Kinh tế của Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Ban Chỉ đạo Tây Nguyên;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, UBND tỉnh, UBND TTQ tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, Đoàn thể của tỉnh, Trường Chính trị tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, thị xã;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH, Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Chi cục Văn thư - Lưu trữ;
- Lưu: VT, LĐ và CV Phòng CT.HĐND, HSKH (Báo).

CHỦ TỊCH



Điêu K'ré

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND,
Ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2016

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh tăng trưởng gắn với tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh. Triển khai mạnh mẽ các chính sách của Trung ương trên địa bàn tỉnh, góp phần cùng cả nước giữ vững ổn định và phát triển kinh tế vĩ mô. Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành một số dự án trọng điểm có tầm ảnh hưởng lớn, để tạo động lực phát triển kinh tế xã hội. Thực hiện tốt các mục tiêu an sinh, xã hội, phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường và cải thiện đời sống nhân dân. Tiếp tục phát triển và mở rộng các mối quan hệ đối ngoại và đẩy mạnh hội nhập quốc tế. Củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả bộ máy quản lý nhà nước. Tiết kiệm, chống lãng phí, tăng cường phòng, chống tham nhũng.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2016

2.1. Tăng trưởng kinh tế: GRDP (giá 2010) tăng bình quân trên 9%, trong đó: Khu vực công nghiệp - xây dựng tăng trên 31%; Khu vực nông, lâm ngư nghiệp tăng trên 5%; Khu vực dịch vụ tăng 6%; Khu vực thuế tăng trên 15%.

2.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (giá hiện hành): Tỷ trọng khu vực nông nghiệp chiếm 49,78%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 15,77%; khu vực dịch vụ chiếm 29,44%; khu vực thuế chiếm 5,01%.

2.3. GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt trên 38 triệu đồng.

2.4. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên 10,5 ngàn tỷ đồng.

2.5. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 1.610 tỷ đồng.

2.6. Hạ tầng giao thông: Tỷ lệ nhựa hoá đường toàn tỉnh đạt 57%; trong đó, tỷ lệ nhựa hóa đường huyện đạt 84%.

2.7. Hạ tầng cấp, thoát nước và đô thị: Đảm bảo nguồn nước cho 71% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới; 90% hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh; 92% hộ dân thành thị sử dụng nước sạch; tỷ lệ đô thị hoá 20%.

2.8. Hạ tầng cấp điện: 96% số hộ được dùng điện.

2.9. Dân số: Tốc độ tăng dân số tự nhiên bình quân dưới 1%/năm, dân số là 591 ngàn người.

2.10. Lao động và việc làm: Số lao động được tạo việc làm 18 ngàn người; Đào tạo nghề cho 3,8 ngàn người.

2.11. Giảm nghèo: Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 2% trở lên, trong đó hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên.

2.12. Y tế: 35% xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế; trên 73% dân số tham gia bảo hiểm y tế.

2.13. Giáo dục: Số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia hàng năm 8 trường/năm; 66% dân số trong độ tuổi học Trung học phổ thông đi học.

2.14. Văn hóa: Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa 76%; Tỷ lệ thôn, bon, tổ dân phố văn hóa 61%; xã, phường, thị trấn văn hóa 17%; Cơ quan đạt danh hiệu văn hóa 86%.

2.15. Môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng 40%, trong đó, trồng mới rừng tập trung 1.000 ha.

2.16. Nông thôn mới: có 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới, mỗi xã đạt bình quân 10,6 tiêu chí trở lên.

II. ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG NĂM 2016

Năm 2016 là năm đầu tiên triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, giai đoạn 2015-2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, là năm đóng vai trò mở đường cho cả giai đoạn sắp tới. Bên cạnh nhiệm vụ xây dựng, triển khai đề án, chương trình, kế hoạch thực hiện các mục tiêu của cả giai đoạn 2016-2020, đồng thời thực hiện Chương trình hành động triển khai Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh. UBND tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu như sau:

1. Khẩn trương xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết phát triển KTXH 5 năm 2016-2020 của HĐND tỉnh

Xây dựng chương trình, kế hoạch, chỉ thị của UBND tỉnh triển khai, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, giai đoạn 2015-2020 và Nghị quyết kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 của HĐND tỉnh bằng các giải pháp chi tiết, xây dựng kế hoạch triển khai trong cả giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch năm 2016. Quán triệt và thực hiện sáng tạo, linh hoạt các chính sách của Trung ương trên địa bàn tỉnh phù hợp với đặc điểm của địa phương.

Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế nội tỉnh và các quy hoạch quan trọng trên cơ sở cập nhật tình hình kinh tế xã hội của tỉnh giai đoạn 2011-2015, những định hướng mới của Trung ương, xu thế mới của phát triển kinh tế.

2. Phát triển công nghiệp

Hỗ trợ doanh nghiệp, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy nhanh tiến độ các dự án lớn như: Nhà máy Alumin Nhân Cơ; Dự án nhà máy điện phân nhôm Đắk Nông; các dự án đầu tư xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị. Tiếp tục tổ chức thực hiện Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Đắk Nông.

Kêu gọi đầu tư dự án vào các khu, cụm công nghiệp, đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Nhân Cơ. Rà soát tổng thể các cụm

công nghiệp, loại bỏ hoặc chuyển đổi các cụm công nghiệp thiếu hiệu quả, tập trung vào các cụm công nghiệp có thế mạnh, để ưu tiên đầu tư.

3. Phát triển nông nghiệp và nông thôn

Khuyến khích trồng trọt quy mô lớn, đẩy mạnh các biện pháp ứng dụng kỹ thuật, công nghệ để tăng chất lượng sản phẩm, giảm giá thành. Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư đầu vào, nhất là cây giống và phân bón. Tập trung chăn nuôi theo mô hình trang trại, sản xuất khép kín, ứng dụng tiên bộ kỹ thuật về giống, quy trình chăn nuôi. Kiểm soát có hiệu quả dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

Xây dựng kế hoạch đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo phương thức lồng ghép các chương trình mục tiêu, các nguồn vốn,... để thực hiện các tiêu chí, đặc biệt là các xã dự kiến đạt chuẩn Nông thôn mới trong năm 2016. Xây dựng kế hoạch đầu tư hoàn thiện và thu hút hiệu quả Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh.

Tăng cường sự phối hợp các lực lượng chức năng, chính quyền địa phương và các đơn vị chủ rừng trong công tác quản lý bảo vệ rừng. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thủy lợi; điều hành phục vụ sản xuất nông nghiệp, chống hạn hán.

4. Phát triển dịch vụ, du lịch

Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển hệ thống phân phối. Thực hiện nhiệm vụ quản lý thị trường nhằm tăng cường kỷ cương, trật tự thị trường; ngăn chặn tệ buôn lậu, gian lận thương mại; sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng.

Mở rộng mạng lưới tổ chức tín dụng, phát triển đa dạng các dịch vụ, sản phẩm, đi đôi với nâng cao chất lượng phục vụ. Phát triển dịch vụ vận tải công cộng, tăng cường dịch vụ vận chuyển về các điểm du lịch, khu và các cụm công nghiệp. Tập trung hỗ trợ, quảng bá các dự án khu du lịch đang triển khai, đa dạng hoá sản phẩm du lịch, tạo ra sản phẩm độc đáo, đặc trưng của du lịch tỉnh.

5. Cải thiện môi trường đầu tư, huy động nguồn lực đầu tư

Chú trọng đến môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp đã đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh, đảm bảo doanh nghiệp được tạo điều kiện thuận lợi nhất. rà soát, điều chỉnh các chính sách khuyến khích phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Tiếp tục kiểm tra tiến độ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, xử lý dứt điểm các dự án không triển khai, thu hồi dự án để giao lại cho các nhà đầu tư đảm bảo năng lực.

Tăng cường huy động các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển nền kinh tế như ODA, NGO, FDI. Huy động tối đa các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển thông qua việc áp dụng đa dạng các hình thức đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP). Triển khai có hiệu quả Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu. Khắc phục tình trạng bố trí vốn phân tán, dàn trải, giải quyết dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản, nâng cao hiệu quả đầu tư.

Tiếp tục tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, hoàn thành sắp xếp đổi mới công ty lâm nghiệp. Rà soát, nắm chắc các nguồn thu và đối tượng thu nộp ngân sách trên địa bàn. Quản lý chi tiêu hợp lý, đúng chế độ. Triệt để thực hành tiết kiệm trong sử dụng ngân sách.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và đô thị

Tăng cường quản lý, tích cực tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, giải quyết dứt điểm các tồn tại, quyết toán xong toàn bộ các công trình hoàn thành; phối hợp với Bộ Giao thông vận tải triển khai dự án xây dựng cầu treo, cầu tạm trên địa bàn tỉnh. Đôn đốc nhà đầu tư hoàn thành đưa bến xe tỉnh Đắk Nông tại thị xã Gia Nghĩa vào khai thác. Triển khai các giải pháp để thực hiện chỉ tiêu xây dựng giao thông nông thôn gắn với chương trình nông thôn mới. Rà soát điều chỉnh lộ trình phát triển các đô thị cho phù hợp với các quy định pháp luật, các định hướng phát triển của vùng, ngành được phê duyệt có liên quan đến phát triển đô thị, đảm bảo yêu cầu đầu tư phát triển. Hoàn thiện các dự án hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị đảm bảo tiến độ.

7. Giáo dục đào tạo, đào tạo nghề và giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và ứng dụng khoa học và công nghệ

Tiếp tục cải cách toàn diện giáo dục, tập trung đổi mới phương pháp dạy và học, tổ chức bồi dưỡng, đào tạo giáo viên để đáp ứng yêu cầu chương trình mới. Bảo đảm duy trì kết quả và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục THCS và phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi. Nâng cao chất lượng giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số, duy trì sĩ số, giảm tỉ lệ học sinh đồng bào dân tộc thiểu số bỏ học.

Nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, cung cấp lao động có tay nghề, đáp ứng nhu cầu lao động cho các doanh nghiệp trong tỉnh. Thực hiện tốt công tác quản lý đảm bảo an toàn lao động, kiểm tra, giám sát điều kiện lao động, nắm bắt và giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động.

Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học và công nghệ tiên tiến, đặc biệt là nghiên cứu và chuyển giao các mô hình nông nghiệp chất lượng cao, nhân rộng các đề tài nghiên cứu nông nghiệp công nghệ cao đã thực hiện có hiệu quả trên địa bàn.

8. Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, trọng tâm là mở rộng và phát triển dịch vụ kỹ thuật cao và nâng cao tinh thần phục vụ của nhân viên y tế. Tập trung phát triển và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở. Thực hiện tốt chính sách y tế. Giảm phiền hà cho người bệnh.

Củng cố và nâng cao hiệu quả mạng lưới y tế dự phòng, không để dịch xảy ra. Tăng cường kiểm tra việc đóng bảo hiểm xã hội. Thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, mở rộng đối tượng tham gia. Kiểm tra, kiểm soát chất lượng và giá thuốc. Thực hiện tốt công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm.

9. Bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, đẩy mạnh giảm nghèo, phát triển văn hoá, thể dục, thể thao

Triển khai đồng bộ các chính sách đối với người có công, các chương trình, mục tiêu quốc gia, dự án để hỗ trợ phát triển sản xuất, ổn định đời sống đối với người nghèo, vùng nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Nhận và thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng là trẻ em mồ côi, người già không nơi nương tựa, khuyết tật,... vào Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh và các cơ sở công lập.

Tiếp tục củng cố và xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, tăng cường hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hoá, thể dục thể thao ở các cấp. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá đồng bào các dân tộc thiểu số trong tỉnh. Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá. Tuyển chọn đội ngũ năng khiếu, đào tạo bồi dưỡng lực lượng vận động viên thành tích cao, tăng cường tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao quần chúng.

10. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh phòng chống tham nhũng và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Tiếp tục thực hiện rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tiếp dân, gắn với giải quyết khiếu nại, tố cáo, hạn chế tối đa việc phát sinh khiếu kiện đông người, xử lý dứt điểm, tạo sự đồng thuận cao của người dân. Nâng cao hiệu quả công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

11. Quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Giữ vững sự ổn định an ninh, quốc phòng, chủ động nắm bắt, xử lý kịp thời các mầm mống gây mất ổn định an ninh, quốc phòng. Đặc biệt tại các khu vực trọng điểm, vùng biên giới. Tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế của tỉnh. Đẩy mạnh hợp tác kinh tế với thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh khác và các tổng công ty lớn của Trung ương.

CHỦ TỊCH



Điêu K'ré

Phụ lục

Các chỉ tiêu kinh tế xã hội năm 2016

(Kèm theo Nghị quyết số 25 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Đắk Nông)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện 2015	Kế hoạch năm 2016	KH 2016/UTH 2015	Ghi chú
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ					
1	Tổng giá trị gia tăng (giá cố định năm 2010)	Tỷ đồng	14.776	16.198	109,6%	
	<i>Trong đó:</i>					
	+ Giá trị gia tăng ngành nông, lâm nghiệp	Tỷ đồng	6.738	7.078	105,1%	
	+ Giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	2.007	2.638	131,4%	
	+ Giá trị gia tăng ngành dịch vụ	Tỷ đồng	5.237	5.569	106,3%	
	+ Thuế	Tỷ đồng	794	913	115,0%	
	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP)	%	6,76	Trên 9%		
2	Tổng giá trị gia tăng (giá hiện hành)	Tỷ đồng	21.203	23.289		
	<i>Trong đó:</i>					
	+ Giá trị gia tăng ngành nông, lâm nghiệp	Tỷ đồng	10.860	11.594		
	+ Giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	2.770	3.673		
	+ Giá trị gia tăng ngành dịch vụ	Tỷ đồng	6.584	6.856		
	+ Thuế	Tỷ đồng	988	1.166		
	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	36,67	Trên 38		
3	Cơ cấu tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế	%	100	100		
	<i>Trong đó</i>					
	- Nông, lâm, ngư nghiệp	%	51,22	49,78		
	- Công nghiệp, xây dựng	%	13,06	15,77		
	- Dịch vụ	%	31,05	29,44		
	- Thuế	%	4,66	5,01		
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	9.347	10.646	114%	
5	Xuất - nhập khẩu					
	Giá trị kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	638	700	109,7%	
	Giá trị kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn	Triệu USD	227,5	120	52,7%	
6	Thu - Chi ngân sách					
	Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	1.405	1.610	114,6%	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện 2015	Kế hoạch năm 2016	KH 2016/ UTH 2015	Ghi chú
	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	4.545	4.614	101,5%	
7	Tổng mức hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	10.510	12.000	114,2%	
	Hạ tầng giao thông					
8	- Nhựa hoá đường huyện	%	80	84		
	- Tỷ lệ nhựa hóa đường toàn tỉnh	%	55	57		
	Hạ tầng cấp, thoát nước đô thị					
9	- Tỷ lệ đáp ứng cho diện tích có nhu cầu tưới	%	68	71		
	- Tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	85	86		
	- Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	90	92		
	- Tỷ lệ thu gom rác thải đô thị	%	95	98		
	- Tỷ lệ đô thị hóa	%	16,3	20		
	Hạ tầng cấp điện					
10	- Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện	%	95	96		
	- Tỷ lệ thôn, buôn, bon có điện lưới quốc gia	%	99	99		
II	CHỈ TIÊU XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG					
	Dân số trung bình					
1	- Dân số trung bình	Ngàn người	578	591		
	- Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	1,2	1,1		
	- Mức tỉ lệ giảm sinh	‰	0,8	0,8		
	Lao động và việc làm					
2	- Số lao động được giải quyết việc làm	Người	19.000	18.000		
	- Đào tạo nghề	Người	5.700	3.800		
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	35	37		
	Giảm nghèo:					
3	Tỷ lệ hộ nghèo	%	Giảm 2%, đạt 11,75%	Giảm 2%		
	Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ	%	Giảm 4%, đạt 38,19%	Giảm 5% trở lên		
	Y tế					
	- Số giường bệnh/vạn dân (không tính trạm y tế xã)	Giường	17,00	17,70		